

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; 58; 59; 81;82;83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 596/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Trần Tuấn Đ**, sinh năm 1979

HKTT: Số 28 ngách 3/2, ngõ 3 phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi làm việc: số 37 Đ, phường Đ quận B, thành phố H)

- **Chị Lê Thị T**, sinh năm 1980

HKTT: Số 28 ngách 3/2, ngõ 3 phố T, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Trần Tuấn Đ và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội ngày 01 tháng 6 năm 2007.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 596/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Tuấn Đ và chị Lê Thị T.

- Về con chung: Anh Đ và chị T xác nhận có 01 con chung là Trần Lê Trung Hiếu, sinh ngày 05/01/2009.

Giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ đóng góp tiền nuôi con chung là 8.000.000 đồng/tháng (tám triệu đồng/tháng) kể từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị T tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Đ và chị T xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Tuấn Đ tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0024950 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND phường Trần Hưng Đạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)